

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY  
WESTERN – SAIGON BEER JOINT  
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: **73** /2022/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
riêng năm 2021 đã kiểm toán)

(Information disclosure of audited  
Separate Financial Statements in 2021)

Cần Thơ, ngày **11** tháng **3** năm 2022

Can Tho, **March 11, 2022**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

**To: STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM (SSC);  
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX).**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
*Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán: WSB  
*Stock code: WSB*
- Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
*Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam*
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa  
*Representative of information disclosure: Le Dang Khoa*
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
*Type of information disclosure: 24h 72h Request Extraordinary Regular*

**Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã kiểm toán. Nội dung báo cáo bao gồm:

*Western – Saigon Beer Joint Stock Company discloses information of audited Separate financial statements in 2021 as follows:*

- + Bảng cân đối kế toán;  
*Balance sheet;*
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;  
*Report on business performance;*
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;  
*Statements of cash flows;*
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.  
*Explanation of Financial Statements.5:*

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020: Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 84% so với năm 2020 là do doanh thu bán hàng giảm. Công ty đã thực hiện nhiều

giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh để có thể giảm thiểu xuống mức thấp nhất ảnh hưởng nghiêm trọng từ làn sóng thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid-19.

*Explaining the difference in profit after tax in 2021 compared to 2020: Profit after tax in 2021 reached 84 % compared to 2020 because the sales revenue has decreased. The Company has made many solutions to save production and business costs to minimize to the lowest level of the serious impact from the third and fourth outbreak of the Covid-19 pandemic.*

Địa chỉ đăng tải báo cáo/Website to publish: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**REPRESENTATIVE OF INFORMATION DISCLOSURE**

**Nơi nhận/Recipients:** 

- Như trên/As above;
- Lưu HC/Saved at the Office.



**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc
Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett  
Ông Lê Đăng Khoa

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc   
  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 4 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00324-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>202.946.562.657</b>	<b>185.198.981.231</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>8.787.430.794</b>	<b>26.818.706.554</b>
Tiền	111		117.430.794	114.706.554
Các khoản tương đương tiền	112		8.670.000.000	26.704.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>140.400.000.000</b>	<b>109.629.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	140.400.000.000	109.629.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.891.264.888</b>	<b>16.971.160.815</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.598.311.889	3.901.788.874
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	221.571.764
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	26.292.952.999	12.847.800.177
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>25.460.071.741</b>	<b>31.680.534.036</b>
Hàng tồn kho	141		26.246.117.723	32.710.211.235
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(786.045.982)	(1.029.677.199)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>407.795.234</b>	<b>99.579.826</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		407.795.234	99.579.826

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>482.014.110.215</b>	<b>477.325.142.759</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>200.935.410.291</b>	<b>235.912.517.508</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	200.935.410.291	235.912.517.508
<i>Nguyên giá</i>	222		513.300.658.008	513.279.700.672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(312.365.247.717)	(277.367.183.164)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		73.881.710	73.881.710
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>2.594.325.404</b>	<b>3.379.585.133</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		4.011.843.370	7.213.540.002
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.417.517.966)	(3.833.954.869)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.741.261.818</b>	<b>2.727.273</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.741.261.818	2.727.273
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>253.280.715.400</b>	<b>223.135.902.200</b>
Đầu tư vào công ty con	251	7(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	13.980.715.400	16.135.902.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(c)	32.300.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.462.397.302</b>	<b>14.894.410.645</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.765.059.044	13.111.041.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.697.338.258	1.783.368.988
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>684.960.672.872</b>	<b>662.524.123.990</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>61.025.375.882</b>	<b>61.907.807.826</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.342.361.910</b>	<b>58.128.191.762</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.189.321.632	4.913.318.132
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.055.144	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	25.038.455.480	26.494.178.008
Phải trả người lao động	314		6.772.318.974	4.787.015.067
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.595.867.024	3.305.553.597
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.319.732.711	7.996.629.597
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	9.383.610.945	10.631.497.361
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.683.013.972</b>	<b>3.779.616.064</b>
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	3.633.513.972	3.730.116.064
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>623.935.296.990</b>	<b>600.616.316.164</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>623.935.296.990</b>	<b>600.616.316.164</b>
Vốn cổ phần	411	21	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		301.223.850.036	277.904.869.210
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		236.603.910.557	204.249.926.037
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		64.619.939.479	73.654.943.173
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>684.960.672.872</b>	<b>662.524.123.990</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	204.235.050.018	279.357.041.078
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	184.165.769.028	226.802.223.613
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>20.069.280.990</b>	<b>52.554.817.465</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	89.781.038.963	79.655.382.617
Chi phí tài chính	22		9.223.971	(319.597.560)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.073.004.709	13.642.909.675
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>97.768.091.273</b>	<b>118.886.887.967</b>
Thu nhập khác	31		149.409.505	526.031.678
Chi phí khác	32		286.259.450	29.618.780
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(136.849.945)</b>	<b>496.412.898</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>97.631.241.328</b>	<b>119.383.300.865</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.525.754.972	10.376.073.989
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	86.030.730	(1.783.368.988)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>93.019.455.626</b>	<b>110.790.595.864</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập  


Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  


Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp giá tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>97.631.241.328</b>	<b>119.383.300.865</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	38.630.768.434	38.720.731.023
Các khoản dự phòng	03	(243.631.217)	(666.903.253)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(6.721.726.688)	(8.662.897.612)
Thu nhập từ cổ tức	05	(78.885.524.075)	(70.992.384.548)
Lãi/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	220.956.197	(460.136.364)
Lãi từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính	05	(4.173.788.200)	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>46.458.295.779</b>	<b>77.321.710.111</b>
Biến động các khoản phải thu	09	2.356.574.915	4.753.269.470
Biến động hàng tồn kho	10	6.464.093.512	144.544.983
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.099.151.535	(8.795.027.555)
Biến động chi phí trả trước	12	(652.345.523)	1.674.482.806
		<b>56.725.770.218</b>	<b>75.098.979.815</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.606.650.696)	(12.492.399.662)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.454.042.457)	(6.509.143.727)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.665.077.065</b>	<b>56.097.436.426</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(13.600.220.509)	(6.804.064.347)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	119.090.909	602.863.637
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(196.480.000.000)	(162.878.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	133.409.000.000	182.869.000.000
Tiền chi góp vốn vào công ty con	25	-	(110.000.000.000)
Tiền thu các khoản đầu tư vào đơn vị khác	26	6.328.975.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	72.330.571.775	82.288.547.574
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.107.417.175</b>	<b>(13.921.653.136)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi trả cổ tức	36		(64.803.770.000)	(74.115.651.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(64.803.770.000)</b>	<b>(74.115.651.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(18.031.275.760)</b>	<b>(31.939.867.710)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>26.818.706.554</b>	<b>58.758.574.264</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>8.787.430.794</b>	<b>26.818.706.554</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 107 nhân viên (1/1/2021: 111 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(g) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc            8 – 25 năm

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### 5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	89.862.800	106.715.200
Tiền gửi ngân hàng	27.567.994	7.991.354
Các khoản tương đương tiền	8.670.000.000	26.704.000.000
	<hr/>	<hr/>
	8.787.430.794	26.818.706.554

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 3,5% một năm (1/1/2021: 3,0% đến 4,6% một năm).

#### 7. Các khoản đầu tư tài chính

##### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 5,2% một năm (1/1/2021: 3,9% đến 6,3% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021					1/1/2021				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
<b>Công ty con</b>										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
<b>Công ty liên kết</b>										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	25.837.812.000	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	28.108.080.000
<b>Đơn vị khác</b>										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (**)	-	-	-	-	-	145.060	0,05%	2.155.186.800	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	<u>-</u>				<u>223.135.902.200</u>	<u>-</u>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã thanh lý tất cả các khoản đầu tư của mình vào đơn vị này.

Không có biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - các khoản tiền gửi dài hạn có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 5,2% (1/1/2021: không).

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.583.934.000	3.793.714.100
Các khách hàng khác	14.377.889	108.074.774
	<hr/>	
	1.598.311.889	3.901.788.874

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.583.934.000	3.793.714.100
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	13.186.800	-
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	23.987.147.140	11.671.827.517
Phải thu lãi tiền gửi	2.092.922.490	1.131.563.125
Phải thu khác	212.883.369	44.409.535
	<hr/>	
	26.292.952.999	12.847.800.177



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	237.319.000	-	13.100.000	-
Nguyên vật liệu	8.308.634.112	-	9.104.530.575	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.883.862.021	(786.045.982)	3.471.461.349	(1.029.677.199)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.777.659.151	-	13.551.796.474	-
Thành phẩm	4.790.007.489	-	6.209.650.687	-
Hàng hóa	248.635.950	-	359.672.150	-
	26.246.117.723	(786.045.982)	32.710.211.235	(1.029.677.199)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.029.677.199	1.376.982.892
Dự phòng trích lập trong năm	302.736.930	327.454.671
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(546.368.147)	(674.760.364)
Số dư cuối năm	786.045.982	1.029.677.199

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	63.848.871.384	431.535.830.119	7.822.977.615	10.072.021.554	513.279.700.672
Tăng trong năm	40.209.076	59.948.501	1.172.000.000	240.000.000	1.512.157.577
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.578.474.805	628.725.303	-	-	2.207.200.108
Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.201.696.632	-	-	-	3.201.696.632
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(510.909.091)	-	-	(510.909.091)
Thanh lý	-	(6.289.600.269)	-	(99.587.621)	(6.389.187.890)
Số dư cuối năm	68.669.251.897	425.423.994.563	8.994.977.615	10.212.433.933	513.300.658.008
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	28.707.487.218	235.555.870.073	5.757.781.459	7.346.044.414	277.367.183.164
Khấu hao trong năm	3.605.359.742	32.770.275.618	727.386.670	1.013.784.406	38.116.806.436
Chuyển từ bất động sản đầu tư	2.930.398.901	-	-	-	2.930.398.901
Thanh lý	-	(5.949.553.163)	-	(99.587.621)	(6.049.140.784)
Số dư cuối năm	35.243.245.861	262.376.592.528	6.485.168.129	8.260.241.199	312.365.247.717
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	35.141.384.166	195.979.960.046	2.065.196.156	2.725.977.140	235.912.517.508
Số dư cuối năm	33.426.006.036	163.047.402.035	2.509.809.486	1.952.192.734	200.935.410.291

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 58.803 triệu VND (1/1/2021: 53.797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	7.213.540.002
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.201.696.632)
	4.011.843.370
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	3.833.954.869
Khấu hao trong năm	513.961.998
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.930.398.901)
	1.417.517.966
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	3.379.585.133
Số dư cuối năm	2.594.325.404

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	2.727.273	7.922.181.819
Tăng trong năm	11.744.712.834	7.055.240.014
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.207.200.108)	(14.974.694.560)
Chuyển sang các khoản trả trước ngắn hạn	(1.309.887.272)	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	510.909.091	-
	8.741.261.818	2.727.273

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tiền thuê đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	11.622.836.647	502.866.186	985.338.824	13.111.041.657
Tăng trong năm	-	2.015.550.000	158.856.000	2.174.406.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.309.887.272	1.309.887.272
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(781.619.174)	(583.182.063)	(1.830.275.885)
Số dư cuối năm	11.157.361.999	1.736.797.012	1.870.900.033	14.765.059.044

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	747.876.848	841.276.023
Công ty TNHH Camic Vietnam	513.110.400	477.312.000
Các nhà cung cấp khác	4.928.334.384	3.594.730.109
	6.189.321.632	4.913.318.132

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	5.830.000	5.830.000

Số dư đầu năm của khoản phải trả thương mại cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp/cần trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2021 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.525.196.460	176.280.082.444	(175.284.228.034)	20.521.050.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.027.041.299	4.525.754.972	(6.606.650.696)	1.946.145.575
Thuế giá trị gia tăng	2.399.169.167	37.838.223.088	(38.078.866.470)	2.158.525.785
Thuế thu nhập cá nhân	542.771.082	2.295.534.148	(2.425.571.980)	412.733.250
Thuế khác	-	37.673.037	(37.673.037)	-
	<b>26.494.178.008</b>	<b>220.977.267.689</b>	<b>(222.432.990.217)</b>	<b>25.038.455.480</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Cổ tức phải trả	4.316.312.808	3.870.082.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	628.743.320	603.243.320
Phải trả khác	2.374.676.583	3.523.303.469
	<b>7.319.732.711</b>	<b>7.996.629.597</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.631.497.361	9.996.848.587
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	6.330.413.584	7.576.400.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(2.220.859.635)	-
Sử dụng trong năm	(5.357.440.365)	(6.509.143.727)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	-	(432.607.499)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.383.610.945	10.631.497.361

**19. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.730.116.064	3.730.116.064
Dự phòng sử dụng trong năm	(96.602.092)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.633.513.972	3.730.116.064

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	248.124.405.453	570.835.852.407
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	110.790.595.864	110.790.595.864
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(7.576.400.000)	(7.576.400.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(559.252.691)	(559.252.691)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(374.479.416)	(374.479.416)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	277.904.869.210	600.616.316.164
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	93.019.455.626	93.019.455.626
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(65.250.000.000)	(65.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(6.330.413.584)	(6.330.413.584)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	2.220.859.635	2.220.859.635
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(319.102.563)	(319.102.563)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	301.223.850.036	623.935.296.990

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: 72.500 triệu VND, (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 21.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2020: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	738.247.699	701.777.371
Từ hai đến năm năm	2.430.989.630	2.807.109.483
Sau năm năm	4.083.611.324	3.436.650.227
	7.252.848.653	6.945.537.081

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	1.440.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.704.683.637	1.140.642.002
	3.704.683.637	2.580.642.002

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
Chai	Chai	1.891.920	628.801

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	198.163.907.616	272.265.490.340
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>374.443.990.060</i>	<i>510.004.316.555</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(176.280.082.444)</i>	<i>(237.738.826.215)</i>
▪ Cung cấp dịch vụ	412.693.000	875.314.784
▪ Doanh thu khác	5.658.449.402	6.216.235.954
	<hr/>	<hr/>
	204.235.050.018	279.357.041.078
	<hr/>	<hr/>

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	183.108.253.259	225.538.698.116
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	319.722.974	560.685.816
▪ Giá vốn khác	981.424.012	1.050.145.374
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(243.631.217)	(347.305.693)
	<hr/>	<hr/>
	184.165.769.028	226.802.223.613
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	78.885.524.075	70.992.384.548
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.721.726.688	8.662.897.612
Lãi từ việc xử lý các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu khác	4.173.788.200	-
Doanh thu tài chính khác	-	100.457
	<hr/>	<hr/>
	89.781.038.963	79.655.382.617

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.112.645.441	7.930.151.539
Chi phí khấu hao	584.406.487	643.975.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.945.048	1.327.804.471
Chi phí quản lý khác	2.966.007.733	3.740.977.812
	<hr/>	<hr/>
	12.073.004.709	13.642.909.675

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	100.731.432.926	134.576.287.009
Chi phí nhân công và nhân viên	26.561.308.229	26.707.783.147
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.630.768.434	38.720.731.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.032.892.733	19.110.649.875
Chi phí khác	15.282.371.415	21.329.682.234
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	4.144.058.421	9.902.041.299
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	381.696.551	474.032.690
	<hr/> 4.525.754.972	<hr/> 10.376.073.989
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	86.030.730	(1.783.368.988)
	<hr/> 4.611.785.702	<hr/> 8.592.705.001

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.631.241.328	119.383.300.865
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.526.248.266	23.876.660.173
Chi phí không được khấu trừ thuế	135.060.026	612.684.678
Thu nhập không bị tính thuế	(15.777.104.815)	(14.198.476.910)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	259.854.944	(388.826.642)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	86.030.730	(1.783.368.988)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	381.696.551	474.032.690
	<hr/> 4.611.785.702	<hr/> 8.592.705.001

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	374.443.990.060	510.004.316.555
Bán nguyên vật liệu	567.780.000	619.584.000
Mua nguyên vật liệu	67.831.744.638	98.974.680.827
Mua công cụ dụng cụ	-	389.750.000
Cổ tức	33.277.500.000	36.975.000.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Cổ tức	76.993.717.075	64.806.370.548
Góp vốn	-	110.000.000.000
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	432.607.499
Bán nguyên vật liệu	55.944.000	
Mua nguyên vật liệu	25.425.000	
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán dịch vụ	-	44.338.784
Bán nguyên vật liệu	30.128.000	52.075.500
Cổ tức	-	2.402.400.000
Khác	56.487.760	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Cổ tức	1.891.807.000	3.783.614.000
Bán nguyên vật liệu	47.952.000	-
Mua nguyên vật liệu	212.961.000	32.940.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Trụ sở chính</b>		
Mua công cụ dụng cụ	1.791.600.000	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	108.500.000	147.360.500
Khác	-	122.591.709
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	467.635.530	822.201.620

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Mua hàng hóa	194.803.400	10.530.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	58.868.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	57.078.000	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua dịch vụ	850.564.924	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	63.620.000	-
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	130.000.000	240.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	203.367.575
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	203.367.575
Ông Nguyễn Văn Đồi	91.000.000	203.367.575
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	203.367.575
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương thưởng	3.421.479.508	3.764.397.141
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	621.613.065	845.268.373

**31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	343.350.098

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **32. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc